

**UBND QUẬN LÊ CHÂN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯ HÀNG**

**DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2022-2023**

*(Kèm theo Quyết định số 20./QĐ-THDH ngày 8/6./2023 của Trường TH Dư Hàng)*

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
<b>A</b>	<b>TỔNG SỔ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	0
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>	0
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu ....	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác: ...	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)</b> <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	
<b>2.1</b>	<b>Quản lý học sinh ngoài giờ</b>	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	90.315
2.1.2	Mức thu: 200.000đ/HS/tháng	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.757.440
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.757.440
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	1.757.440
2.1.6	Số chi trong năm	1.847.755
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.478.203
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	184.776
	- Chi phúc lợi	184.776
	- Chi khác	
2.1.7	Số dư cuối năm	0
<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)</b>	
<b>3.1</b>	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	

<sup>1</sup> Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: - .....		
	- .....		
	- .....		
3.1.6	Số dư cuối năm		
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....</b> (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
<b>4.1</b>	<b>Ăn bán trú</b>		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		4.459
4.1.2	Mức thu: 30.000đ/HS/ngày		
4.1.3	Tổng số thu trong năm		4.051.080
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		4.051.080
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		4.051.080
4.1.6	Số chi trong năm		4.055.220
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		4.055.220
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		0
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		0
	- Chi phúc lợi		0
	- Chi khác:		0
4.1.7	Số dư cuối năm		319
<b>4.2</b>	<b>Chất đốt bán trú</b>		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang		4.158
4.2.2	Mức thu:		
4.2.3	Tổng số thu trong năm		0
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		0
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		0
4.2.6	Số chi trong năm		4.158
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		4.158
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		0
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		0
	- Chi phúc lợi		0
	- Chi khác:		0
4.2.7	Số dư cuối năm		0
<b>4.3</b>	<b>Chăm sóc bán trú</b>		
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang		169.619
4.3.2	Mức thu: 150.000đ/HS/tháng		
4.3.3	Tổng số thu trong năm		1.096.800
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		1.096.800
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>		1.096.800
4.3.6	Số chi trong năm		1.252.949
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		1.127.654
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:		125.295

4.3.7	Số dư cuối năm	13.470
<b>4.4</b>	<b>Trông xe cho học sinh</b>	
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.4.2	Mức thu: 30.000đ/HS/tháng	
4.4.3	Tổng số thu trong năm	36.750
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	36.750
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	36.750
4.4.6	Số chi trong năm	27.540
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	27.540
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:	
4.4.7	Số dư cuối năm	9.210
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>	
<b>5.1</b>	<b>Tiếng Anh GV người nước ngoài dạy</b>	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	49.295
5.1.2	Mức thu: 160.000đ/HS/tháng	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	1.166.880
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.166.880
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	1.166.880
5.1.6	Số chi trong năm	1.152.696
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	806.887
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	103.742
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	172.904
	- Chi phúc lợi	69.163
	- Chi khác: ...	0
5.1.7	Số dư cuối năm	63.479
<b>5.2</b>	<b>Tin học</b>	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	16.128
5.2.2	Mức thu: 40.000đ/HS/tháng	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	155.540
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	155.540
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	155.540
5.2.6	Số chi trong năm	152.686
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	106.879
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	13.741
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	22.902
	- Chi phúc lợi	9.164
	- Chi khác: ...	0
5.2.7	Số dư cuối năm	18.982
<b>5.3</b>	<b>Kĩ năng sống</b>	
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.008
5.3.2	Mức thu: 48.000đ/HS/tháng	

5.3.3	Tổng số thu trong năm	380.568
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	380.568
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	380.568
5.3.6	Số chi trong năm	357.016
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	249.910
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	32.131
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	53.552
	- Chi phúc lợi	21.423
	- Chi khác: ...	0
5.3.7	Số dư cuối năm	35.560
<b>5.4</b>	<b>Tiếng Nhật</b>	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.845
5.4.2	Mức thu: 96.000đ/HS/tháng	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	28.752
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28.752
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	28.752
5.4.6	Số chi trong năm	26.648
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	18.653
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2.398
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3.997
	- Chi phúc lợi	1.600
	- Chi khác: ...	0
5.4.7	Số dư cuối năm	3.949
<b>5.5</b>	<b>Toán tư duy</b>	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.461
5.4.2	Mức thu: 48.000đ/HS/tháng	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	356.928
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	356.928
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	356.928
5.4.6	Số chi trong năm	346.286
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	242.400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	31.165
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	51.942
	- Chi phúc lợi	20.779
	- Chi khác: ...	0
5.4.7	Số dư cuối năm	23.103
<b>5.6</b>	<b>Tiếng Anh GV người Việt Nam dạy</b>	
5.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.6.2	Mức thu: 80.000đ/HS/tháng	
5.6.3	Tổng số thu trong năm	589.400
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	589.400
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	589.400
5.6.6	Số chi trong năm	556.629
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	389.640
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	50.096
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	83.494
	- Chi phúc lợi	33.399

	- Chi khác: ...		0
5.1.7	Số dư cuối năm		32.771
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,...(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>		
<b>6.1</b>	<b>Y tế (CSSKBD)</b>		
6.1.1	Số học sinh: 1131 hs		
6.1.2	Mức thu: BHXH quận cấp về		
6.1.3	Tổng thu		74.488
6.1.4	Đã chi		42.983
6.1.5	Dư		31.505
<b>6.2</b>	<b>BHYT học sinh</b>		
6.2.1	Số học sinh: 1131 hs		
6.2.2	Mức thu: Theo quy định của BHXH		
6.2.3	Tổng thu		667.606
6.2.4	Đã chi		667.606
6.2.5	Dư		
<b>6.3</b>	<b>KP hoạt động Ban đại diện CMHS</b>		
6.3.1	Số học sinh: hs		
6.3.2	Mức thu:		
6.3.3	Tổng thu		1.873
6.3.4	Đã chi		1.873
6.3.5	Dư		0
<b>6.4</b>	<b>In sao đề kiểm tra</b>		
6.4.1	Số học sinh: hs		
6.4.2	Mức thu:		
6.4.3	Tổng thu		30.292
6.4.4	Đã chi		29.042
6.4.5	Dư		1.250
<b>6.5</b>	<b>Nước uống học sinh</b>		
6.5.1	Số học sinh: 1174 hs		
6.5.2	Mức thu: 10.000đ/HS/tháng		
6.5.3	Tổng thu		143.780
6.5.4	Đã chi		143.716
6.5.5	Dư		64
<b>6.6</b>	<b>Sổ liên lạc điện tử</b>		
6.6.1	Số học sinh: hs		
6.6.2	Mức thu:		
6.6.3	Tổng thu		58.376
6.6.4	Đã chi		34.500
6.6.5	Dư		23.876
<b>6.7</b>	<b>Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú</b>		
6.7.1	Số học sinh: 830 hs		
6.7.2	Mức thu: 360.000đ/HS/năm (Khối 1); 100.000đ/HS/năm (Khối 2,3,4,5)		
6.7.3	Tổng thu		127.297
6.7.4	Đã chi		124.183
6.7.5	Dư		3.114



HAI P.


<b>6.8</b>	<b>Khuyến học</b>		
6.8.1	Số học sinh: hs		
6.8.2	Mức thu:		
6.8.3	Tổng thu		17.408
6.8.4	Đã chi		17.408
6.8.5	Dư		0
<b>6.9</b>	<b>Dạy học 2 buổi/ngày</b>		
6.9.1	Số học sinh: 1228 hs		
6.9.2	Mức thu: 30.000đ/HS/tháng		
6.9.3	Tổng thu		312.585
6.9.4	Đã chi		240.013
6.9.5	Dư		72.572
<b>6.10</b>	<b>Lợn siêu trọng</b>		
6.10.1	Số học sinh: hs		
6.10.2	Mức thu:		
6.10.3	Tổng thu		5.418
6.10.4	Đã chi		5.418
6.10.5	Dư		0
<b>6.11</b>	<b>Đoàn Đội</b>		
6.11.1	Số học sinh: hs		
6.11.2	Mức thu:		
6.11.3	Tổng thu		37.170
6.11.4	Đã chi		35.433
6.11.5	Dư		1.737
<b>6.12</b>	<b>Hỗ trợ điện điều hòa</b>		
6.12.1	Số học sinh:		
6.12.2	Mức thu:		
6.12.3	Tổng thu		1.582
6.12.4	Đã chi		1.582
6.12.5	Dư		0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>		0
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>		0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ....		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ....		
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		

	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ....		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ...		
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>		0
1	Học phí		
2	Học nghề		
3	Học Tiếng Anh		
4	Học kỹ năng sống		
5	Trông giữ xe đạp		
6	.....		
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>		
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ....		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác: ....		
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.142.560	
	Chi thanh toán cá nhân	6.391.778	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	61.512	
	Chi mua sắm sửa chữa	74.363	
	Chi khác: ....	614.907	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	788.061	
	Chi thanh toán cá nhân	9.300	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	211.772	
	Chi mua sắm sửa chữa	563.511	
	Chi khác: ....	3.478	
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>		
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>		
1.1	Dự án A		
1.2	Dự án B		
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>		
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>		

1.1	Dự án A		
1.2	Dự án B		
<b>C</b>	<b>MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG</b>		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		146.300
	Mức bình quân (đ/người/năm)		90.011
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		48.960
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		146.300
	Mức bình quân (đ/người/năm)		92.740
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		52.080
<b>D</b>	<b>MỨC CHI CHO HỌC SINH</b>		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		5.816
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		742

Hải Phòng, ngày, 28 tháng 6 năm 2023

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
**Phạm Thị Hải Yến**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)

  
  
**Lê Thị Thu Hương**

